

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 12 – 5 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm;
2. Ông Nguyễn Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 303/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 922/23, đường N, Tổ 7, khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A72, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, bà P và ông L vắng mặt (bà P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Giữa bà P và ông L có quen biết từ trước nên bà P có cho ông L vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 14/01/2019, ông L có vay bà P số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất là 7%/tháng và ông L trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 14.

Đến ngày 17/01/2019, ông L tiếp tục vay bà P số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất là 7%/tháng và ông L trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 17.

Đến ngày 30/01/2019, ông L tiếp tục vay bà P số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất là 7%/tháng và ông L trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 30.

Đối với 03 lần vay tiền nêu trên, các bên có lập giấy mượn tiền và ký xác nhận. Tuy nhiên, sau khi bà P giao tiền cho ông L thì ông L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi và gốc cho bà P theo thỏa thuận mà chỉ hứa thanh toán. Do đó, ngày 15/5/2019 giữa bà P và ông L có lập biên bản xác nhận số nợ mượn tiền, theo đó ông L thừa nhận có vay số tiền gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 92.750.000 đồng; đồng thời ông L hứa sẽ thanh toán tiền gốc và lãi cho bà P nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Số tiền 350.000.000 đồng mà bà P cho ông L vay là tài sản riêng của bà P, không phải tài sản chung với ai.

Theo đơn đòi kiện, bà P yêu cầu ông L phải trả tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất là 7%/tháng từ ngày 01/02/2019 cho đến ngày vụ án được xét xử. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia tố tụng bà P yêu cầu Tòa án buộc ông Liêm trả tiền gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/2/2019 cho đến ngày vụ án được xét xử là 12 tháng với mức lãi suất 1,6%/tháng trên tổng số tiền vay 350.000.000 đồng là 78.400.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Giấy mượn tiền ngày 14/01/2019, 17/01/2019 và 30/01/2019; Biên bản xác nhận công nợ mượn tiền ngày 15/5/2019.

- Bị đơn ông Lê Hoàng L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn

phiên tòa và các giấy triệu tập ông L đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Lê Hoàng L đều vắng mặt không rõ lý do.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P chấp hành đúng pháp luật tố tụng, ông L không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng L thanh toán số tiền nợ mà bà P đã cho ông L vay nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Hoàng L có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại địa chỉ A72 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà P với ông L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và bà P có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông L và xem như ông L từ bỏ quyền chứng minh.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Theo 03 giấy mượn tiền giữa bà P và ông L mà bà P cung cấp thể hiện: Ngày 14/01/2019 bà P cho ông L vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn

vay 03 tháng tính từ ngày 14/01/2019; ngày 17/01/2019 bà P cho ông L vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng tính từ ngày 17/01/2019 và ngày 30/01/2019 bà P cho ông L vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 30/01/2019. Ngoài ra, theo Biên bản xác nhận công nợ mượn tiền ngày 15/5/2019 giữa bà P với ông L, ông L cũng thừa nhận vay tiền 03 lần của bà P như 03 giấy mượn tiền nêu trên và số tiền vay gốc ông L còn nợ bà Phúc là 350.000.000 đồng.

Theo Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Như vậy, bà P khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền vay gốc 350.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Theo nội dung thỏa thuận trong 03 giấy mượn tiền giữa bà P với ông L, các bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 7%/tháng là vượt quá mức lãi suất giới hạn 20%/năm theo quy định tại Điều 468 nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án bà P yêu cầu ông L phải trả tiền lãi với mức lãi suất là 1,6% trên số tiền 350.000.000 đồng tính từ ngày 01/02/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Theo Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”. Đồng thời theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy, bà P yêu cầu ông L trả số tiền lãi tính từ ngày 01/02/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 1,6%/tháng (tương ứng với 20%/năm) trên tổng số tiền vay 350.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Cụ thể: $[(350.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/tháng) \times 15 \text{ tháng}] = 84.000.000 \text{ đồng}$.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P đối với ông Lê Hoàng L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Ông Lê Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với ông Lê Hoàng L.

Buộc ông Lê Hoàng L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền vay gốc 350.000.000 đồng và 84.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 434.0000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hoàng L phải chịu 21.360.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền 9.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0036678 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.